

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 120/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05/11/2020

V/v: “ *Tranh chấp hôn nhân và gia đình
xin ly hôn – nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Năng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Bà Dư Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 09 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Ngọc L - Sinh năm: 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Danh A – Sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị L trình bày: Chị và anh Danh A tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, tuy không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng vào năm 2016. Sau khi cưới nhau về chung sống hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị chưa tìm hiểu kỹ về tính cách của nhau, anh Danh A không quan tâm chăm sóc và thiếu trách nhiệm với vợ con. Mặc dù chị L đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Danh A không sửa đổi. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh Danh A. Về con chung anh chị có với nhau 01 con chung tên Danh Anh K – Sinh ngày 07/12/2016, hiện con đang sống với anh Danh A. Nay xét thấy anh Danh A không có ý kiến về yêu cầu ly hôn và con chung nên chị quyết định rút một phần yêu

cầu khởi kiện về con chung. Nếu có tranh chấp khởi kiện sau. Về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh A không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị L khởi kiện xin ly hôn với anh Danh A nên đây được xem là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 01 – Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh Danh A có địa chỉ cư trú tại ấp Nguyễn Huệ, xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Anh Danh A với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt hợp lệ hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Danh A vắng mặt qua các lần triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh Danh A là hoàn toàn phù hợp với qui định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Đinh Thị Ngọc L và anh Danh A tuy không được gia đình tổ chức lễ cưới nhưng anh, chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị L xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do anh Danh A thiếu trách nhiệm với chị và con. Chính vì vậy, chị L đã trở về nhà cha mẹ ruột và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2018 cho đến nay.

Kể từ thời điểm chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn và anh Danh A đã được Tòa án thông báo về yêu cầu trên của chị L nhưng anh Danh A không thể hiện ý kiến của mình bằng văn bản gửi Tòa án hoặc có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bản thân anh, chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Danh A là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 01 – Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn anh Danh A.

Về con chung, quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên Tòa hôm nay chị L có ý kiến xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung là cháu Danh Anh K – Sinh ngày 07/12/2016, hiện con đang sống với anh Danh A. Xét thấy yêu cầu này của chị là tự nguyện, không trái với qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ yêu cầu giải quyết vấn đề con chung giữa chị L, anh Danh A theo qui định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trường hợp có tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về tài sản và nợ chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm chị L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 6546 ngày 23/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 – Điều 28; khoản 1 – Điều 35; điểm a – khoản 1 – Điều 39; khoản 4- Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 – Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Đinh Thị Ngọc L được ly hôn với anh Danh A.

2. Đình chỉ yêu cầu giải quyết con chung giữa chị Đinh Thị Ngọc L và Danh A do chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung.

3. Về án phí: Buộc chị L phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 6546 ngày 23/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, chị L được tính kể từ ngày tuyên án. Anh Danh A được tính kể từ ngày nhận được cấp tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**